

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08-8-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lã Anh Tuấn

Bà Trần Thị Trúc Hoa.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nông Hoàng Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Lương Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị N, sinh năm 1996; nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số 34 đường Đ, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Phan Hữu L, sinh năm 1994; nơi cư trú: Ngõ 360 đường Q, tổ T, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 10 tháng 3 năm 2024, bản tự khai ngày 23 tháng 4 năm 2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Bùi Thị N trình bày:

Chị và anh Phan Hữu L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng ngày 03/8/2018. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L chơi bời, không quan tâm đến vợ con, đặc biệt là vay nợ xã hội. Bố mẹ đẻ của anh L đã phải bán đất đai, nhà cửa ở trong quê để trả nợ cho anh L; bản thân chị cũng phải đi vay bố mẹ đẻ để lấy tiền trả nợ cho anh L. Điều đó đã khiến cho cuộc sống hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, hiện hai bên đã sống ly thân mỗi người một nơi. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung là Phan Hữu S, sinh ngày 03/5/2019, hiện sống cùng với anh L và ông bà nội. Khi ly hôn, do anh L cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên chị đồng ý.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2024, bị đơn là anh Phan Hữu L có ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Bùi Thị N như sau:

Anh và chị Bùi Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng vào năm 2018. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, đến đầu năm 2024 hai bên xảy ra mâu thuẫn về kinh tế. Sau đó, chị N đã bỏ về nhà ngoại ở và sống ly thân với anh. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý, vì nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa thực sự trầm trọng.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là Phan Hữu S, sinh ngày 03/5/2019, hiện đang sống cùng anh. Trong trường hợp phải ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung để tránh làm xáo trộn cuộc sống, sinh hoạt của con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị N không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo kết quả xác minh tại tổ dân phố nơi chị Bùi Thị N và anh Phan Hữu L sinh sống cho thấy: Quá trình chung sống tại địa phương, chị Bùi Thị N và anh Phan Hữu L có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc hai bên đã sống ly thân mỗi người một nơi. Về con chung: Chị N và anh L có 01 con chung, hiện sống cùng nhà với anh L và ông bà nội.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

* Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Phan Hữu L.

- Về nuôi dưỡng con: Giao con chung là Phan Hữu S, sinh ngày 03/5/2019 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị N không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về chia tài sản và công nợ: Chị Bùi Thị N không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là Phan Hữu L, hiện cư trú tại: Ngõ 360 đường Q, tổ T, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, tại phiên tòa, anh L vắng mặt không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị N và anh Phan Hữu L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36/2018 ngày 03 tháng 8 năm 2018 nên là hôn nhân hợp pháp. Qua lời trình bày của hai bên và trên cơ sở các tài liệu,

chứng cứ mà Tòa án thu thập được cho thấy cuộc sống hôn nhân của anh chị có nhiều mâu thuẫn về kinh tế. Vì thế đã khiến cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương nhau được thể hiện bằng việc hai bên đã sống ly thân mỗi người một nơi. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của chị N về việc ly hôn với anh L là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Chị Bùi Thị N và anh Phan Hữu L có 01 con chung là Phan Hữu S, sinh ngày 03/5/2019. Hội đồng xét xử thấy con chung của chị Bùi Thị N và anh Phan Hữu L còn nhỏ, hiện sống cùng với anh L và ông bà nội, anh L cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung trong trường hợp vợ chồng ly hôn. Vì vậy, để bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N tại phiên tòa về việc giao con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng khi vợ chồng ly hôn.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về chia tài sản: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Phan Hữu L.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Phan Hữu S, sinh ngày 03/5/2019 cho anh Phan Hữu L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị N không yêu cầu nên không giải quyết.

3. Về chia tài sản: Chị Bùi Thị N không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số 0004822 ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Chị N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Kiến An;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- UBND xã T;
- TANDTP Hải Phòng;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bình